TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Đáng
2.Ông Nguyễn Trung Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn,Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, vụ án thụ lý số 266/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Huyền Tr, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Ngoài ra còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên toà trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Trần Văn Tấn, Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Huyền Tr trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân:Vào năm 2017 chị và anh V có xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu sống hạnh phúc, năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trước khi cưới thì hai bên có thống nhất anh V đến ở rể phụ mua bán, nhưng sau khi cưới thì anh V không đồng ý qua ở rể, anh V yêu cầu chị về nhà anh làm dâu, vì gia

đình buôn bán quen rồi, chị không thể về bên chồng, từ đó vợ chồng luôn mâu thuẫn và vợ chồng ly thân cho đến nay trên 03 năm, thời gian ly thân vợ chồng có gặp nhau nhưng không đoàn tụ được nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Việt H, sinh ngày 04/3/2018, đang sống chung với chị Tr, chị Tr yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Anh V thống nhất với lời trình bày của chị Tr về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, sau khi cưới anh vẫn sống ở Cầu Ngang, chị Trang thì ở Trà Cú, vợ chồng qua lại, sống hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh yêu cầu chị Tr về gia đình anh sinh sống ở ấp B, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nhưng chị Tr không về, từ đó vợ chồng hay cải vả nên ly thân, thời gian ly thân vợ chồng có bàn bạc việc đoàn tụ nhưng không đoàn tụ được, nay chị Tr xin ly hôn là anh chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Tr trình bày. Nay anh không đồng ý để chị Tr tiếp tục nuôi, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con, vì trước khi kết hôn với anh, chị Tr có một con riêng, chị Tr đang nuôi, nên chị Tr nuôi con sẽ khó khăn hơn anh, hiện tại bé vẫn quý mến anh, điều kiện anh chăm sóc tốt hơn chị Tr.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Tr ly hôn anh V. Về con chung: Nguyễn Việt H sinh ngày 04/3/2018 giao cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Tr, anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Tr và anh V là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Chị Tr và anh V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/02/2017 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Tr và anh V là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Tr xin ly hôn anh V, theo lời khai của chị Tr và anh V tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống vợ chồng hay cãi vả nhau do không thống nhất được chổ ở nên vợ chồng ly thân nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên toà hôm nay chị Tr yêu cầu ly hôn, anh V chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị Tr, vì vậy Toà chấp nhận cho chị Tr và anh V ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh V đều có yêu cầu được nuôi Nguyễn Việt H sinh ngày 04/3/2018.

Xét thấy con chung của chị Tr và anh V từ khi vợ chồng ly thân, chị Tr nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị Tr và con gắng bó hơn; mặc khác qua xác minh tại Ấp S, xã N, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nơi chị Tr và con sinh sống thì hiện tại chị Tr có điều kiện đảm bảo cho cuộc sống của con và con khỏe mạnh đi học bình thường, nếu giao con cho anh V nuôi thì sẽ làm xáo trộn cuộc sống ổn định của con, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khoẻ của con vì vậy cần chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Tr, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh V là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Huyền Tr được ly hôn anh Nguyễn Quốc V.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Việt H sinh ngày 04/3/2018 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Phan Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015740 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã M, Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh